

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13-6-2023
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thiện;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Thanh Hoàng;
bà Nguyễn Thị Mai.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Minh Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 13/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 104/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Lê Thị D, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp TT, xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang.

Bị đơn: ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1970; nơi cư trú: ấp TT, xã TL, huyện (nay là thị xã) TB, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị D trình bày:

Bà D và ông Huỳnh Văn D tự nguyện đi đến hôn nhân được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mỗi lần cãi vã ông D có thái độ hành hung đánh đập vợ con, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Xét thấy vợ chồng chung

sống không hạnh phúc nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn D.

Về con chung: bà và ông Huỳnh Văn D có 02 con chung tên: Huỳnh Ca R, sinh năm 1993 và Huỳnh Thúy L, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành và có gia đình tự lập.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Huỳnh Văn D thống nhất với lời khai của nguyên đơn về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Ông thừa nhận cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế của gia đình gặp khó khăn dẫn đến hai người có cãi vã nhau. Tuy nhiên, do còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định, bà D, ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của bà D và ông D không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Bà D yêu cầu ly hôn với ông D, căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị D về yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn D mà tuyên bố không công nhận bà, ông D là vợ chồng.

Về con chung: có hai con chung, nay đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

Đối với tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thị xã Tịnh Biên. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì : “ *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”, và theo khoản 2 Điều 53 qui định “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng*”. Bà D và ông D chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, nhưng không có đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị D đối với ông Huỳnh Văn D không được chấp nhận mà Tòa án tuyên bố không công nhận bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn D là vợ chồng.

[3] Về con chung: bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn D cùng thống nhất khai có 02 con chung là Huỳnh Ca R, sinh năm 1993 và Huỳnh Thúy L, sinh năm 1999 đều đã trưởng thành có gia đình và tự lập được, nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn D cùng thống nhất không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên không đề cập xem xét trong vụ án.

[5] Về án phí, nguyên đơn bà Lê Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp . Bị đơn ông Huỳnh Văn D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận bà Lê Thị D và ông Huỳnh Văn D là vợ chồng.

2. Về án phí: bà Lê Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2022/0009059 ngày 04 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện (nay là thị xã) Tịnh Biên, tỉnh An Giang; bà D đã nộp đủ án phí.

Ông Huỳnh Văn D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án lên Toà án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND thị xã Tịnh Biên (2);
- Chi cục THADS thị xã Tịnh Biên (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thiện